

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2169/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **03** tháng **12** năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 110.61
	Ngày: 04.12.18
	Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 25/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm;

Căn cứ Quyết định số 2138/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm;

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 20/03/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh tại Tờ trình 2715/SYT-KHTC ngày 02/10/2018 và Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 205/BC-STC-ĐT ngày 21/11/2018 về kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Tên dự án: Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm.
- Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.
- Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công tháng 03/2015 - hoàn thành tháng 07/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	6.193.704.000	5.146.920.000	+ 1.046.784.000
- WB	5.760.995.000	4.842.618.000	+ 918.377.000
- Ngân sách tỉnh	432.709.000	304.302.000	+ 128.407.000

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
Tổng số	6.996.000.000	6.193.704.000
- Xây dựng:	410.291.000	406.317.000
- Thiết bị:	5.158.001.000	5.158.001.000
- Quản lý dự án:	118.211.000	110.377.000
- Tư vấn:	261.999.836	248.642.000
- Chi phí khác:	297.369.185	270.367.000
- Dự phòng:	750.127.979	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 196.677.000 đồng (*chi phí đào tạo nâng cao năng lực kiến thức, truyền thông và chi phí quản lý nguồn tài trợ*).

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	0		5.997.027.000	
1. Tài sản cố định	0		5.602.026.000	
2. Tài sản lưu động	0		395.001.000	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư của dự án là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	6.193.704.000	
- WB	5.760.995.000	
- Ngân sách tỉnh	432.709.000	

- Tình hình công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó: - Nợ phải thu: 0 đồng
- Nợ phải trả: 1.046.784.000 đồng

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
Bệnh viện Đa khoa Đặng Thụy Trâm	5.997.027.000	0

3. Sở Y tế tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 205 /BC-STC-ĐT ngày 21/11/2018 và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Ban Quản lý các dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện - Sở Y tế và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX(HQ498).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Dũng

PHỤ LỤC SỐ I



BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm

(Kế toán nội bộ số 2169 /QĐ-UBND ngày 02/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Chi phí xây dựng	410.291.000	406.318.000	406.317.000	-3.974.000	-1.000
1	Gói thầu QN/C2B/W01	227.432.000	227.432.000	227.431.000	-1.000	-1.000
2	Gói thầu QN/C2B/W/02 (bổ sung)	182.859.000	178.886.000	178.886.000	-3.973.000	0
II	Chi phí thiết bị	5.158.001.000	5.158.001.000	5.158.001.000	0	0
1	Gói thầu QN/C2B/G/01.1	313.000.000	313.000.000	313.000.000	0	0
2	Gói thầu QN/C2B/G/01.2	206.142.000	206.142.000	206.142.000	0	0
3	Gói thầu QN/C2B/G/02	4.450.000.000	4.450.000.000	4.450.000.000	0	0
4	Gói thầu QN/C2B/03 (bổ sung)	188.859.000	188.859.000	188.859.000	0	0
III	Chi phí Quản lý dự án	118.211.000	110.377.000	110.377.000	-7.834.000	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	261.999.836	250.063.000	248.642.000	-13.357.836	-1.421.000
1	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	128.582.128	121.418.000	119.997.000	-8.585.128	-1.421.000
2	Lập HSMT và đánh giá HSDT	13.468.904	12.465.000	12.465.000	-1.003.904	0
3	Giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị	40.528.804	36.760.000	36.760.000	-3.768.804	0
4	Lập hồ sơ môi trường cho Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	79.420.000	79.420.000	79.420.000	0	0
V	Chi phí khác	297.369.185	262.944.000	270.367.000	-27.002.185	7.423.000
V.1	Chi phí không hình thành tài sản	219.550.000	196.677.000	196.677.000	-22.873.000	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
1	Chi phí đào tạo nâng cao năng lực quản lý	103.998.000	81.149.000	81.149.000	-22.849.000	0
2	Chi phí quản lý nguồn tài trợ	84.552.000	84.552.000	84.552.000	0	0
3	Chi phí nâng cao năng lực kiến thức, truyền thông	31.000.000	30.976.000	30.976.000	-24.000	0
V.2	Chi phí hình thành tài sản qua đầu tư	77.819.185	66.267.000	73.690.000	-4.129.185	7.423.000
1	Chi phí thẩm định giá	25.000.000	14.269.000	14.269.000	-10.731.000	0
2	Chi phí bảo hiểm công trình	11.255.185	10.434.000	10.434.000	-821.185	0
3	Chi phí kiểm toán	29.951.000	29.951.000	29.951.000	0	0
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	11.613.000	11.613.000	19.036.000	7.423.000	7.423.000
VI	Dự phòng	750.127.979	0	0	-750.127.979	0
VII	Tổng cộng	6.996.000.000	6.187.703.000	6.193.704.000	-802.296.000	6.001.000



PHỤ LỤC SỐ II
BẢNG CÔNG NỢ

Phụ lục Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm

Quy định số: 2169/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		Chi phí xây dựng	406.317.000	204.689.000	0	201.628.000
1	Gói thầu QN/C2B/W01		227.431.000	204.689.000	0	22.742.000
	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Công Tâm	Xây dựng công trình	227.431.000	204.689.000	0	22.742.000
2	Gói thầu QN/C2B/W/02		178.886.000	0	0	178.886.000
	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Công Tâm	Xây dựng công trình	178.886.000	0	0	178.886.000
II		Chi phí thiết bị	5.158.001.000	4.472.228.000	0	685.773.000
1	Công ty TNHH dược phẩm trang thiết bị y tế T.D	Gói thầu QN/C2B/G/01.1	313.000.000	281.700.000	0	31.300.000
2	Công ty TNHH SX TM & DV Quang Sang	Gói thầu QN/C2B/G/01.2	206.142.000	185.528.000	0	20.614.000
3	Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Y tế TP Hồ Chí Minh	Gói thầu QN/C2B/G/02	4.450.000.000	4.005.000.000	0	445.000.000
4	Công ty TNHH TM Trang Thiết bị Y tế Trung Lập	Gói thầu QN/C2B/03	188.859.000	0	0	188.859.000
III		Chi phí Quản lý dự án	110.377.000	110.377.000	0	0
1	Ban Quản lý các dự án ĐT&XD Y tế Quảng Ngãi	Quản lý dự án	110.377.000	110.377.000	0	0
IV		Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	248.642.000	169.222.000	0	79.420.000
1	Công ty TNHH TVXD Nhà Việt	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật	119.997.000	119.997.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
2	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi	Lập HSMT và đánh giá HSDT	12.465.000	12.465.000	0	0
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn VINACONTROL Đà Nẵng	Giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị	36.760.000	36.760.000	0	0
4	Công ty TNHH Công nghệ Môi trường QN	Lập hồ sơ môi trường	79.420.000	0	0	79.420.000
V		Chi phí khác	270.367.000	190.404.000	0	79.963.000
V.1		Chi phí không tạo nên tài sản	196.677.000	165.701.000	0	30.976.000
1	Ban Quản lý các dự án ĐT&XD Y tế Quảng Ngãi	Chi phí đào tạo nâng cao năng lực quản lý	81.149.000	81.149.000	0	0
2	Ban Quản lý các dự án ĐT&XD Y tế Quảng Ngãi	Chi phí quản lý nguồn tài trợ	84.552.000	84.552.000	0	0
3	Ban Quản lý các dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	Chi phí nâng cao năng lực kiến thức, truyền thông	30.976.000	0	0	30.976.000
V.2		Chi phí hình thành tài sản qua đầu tư	73.690.000	24.703.000	0	48.987.000
1	Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá Miền Trung	Chi phí thẩm định giá	14.269.000	14.269.000	0	0
2	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Chi phí bảo hiểm công trình	10.434.000	10.434.000	0	0
3	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Chi phí kiểm toán	29.951.000	0	0	29.951.000
4	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.036.000	0	0	19.036.000
VI		Tổng cộng	6.193.704.000	5.146.920.000	0	1.046.784.000